

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-QUẢNG NGÃI
Số: 42/2025/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh A X. Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Bị đơn: Chị Y Ru L. Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn anh A X và bị đơn chị Y Ru L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh A X và chị Y Ru L thỏa thuận thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao con chung là Y L1, sinh ngày 09/7/2014, Y RuBy, sinh ngày 22/11/2011 và A V, sinh ngày 12/7/2023 cho chị Y Ru L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh A X phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.100.000 đồng/3 cháu, mỗi cháu 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng/1 cháu/1 tháng, kể từ ngày 01/9/2025 cho đến khi con chung Y L1 và A V đủ 18 tuổi, con chung Y RuBy đến khi tự lập được.

Anh A X có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng quyền thăm nom con gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền các đương sự thỏa thuận tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng và án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), các đương sự thỏa thuận anh A X nhận chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000545 ngày 11/6/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi. Anh A X đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Kon Bراهيم, Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung